

Số: 1045/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 28 tháng 4 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở tính tiền bồi thường dự án xây dựng Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Can cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về chính sách, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019,

Căn cứ Quyết định số 64/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh Bảng giá các loại đất trên địa bàn tỉnh giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2019 ban hành kèm theo Quyết định 33/2015/QĐ-UBND ngày 17/9/2015 của UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 310/TTr-STNMT ngày 25/4/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất làm cơ sở tính tiền bồi thường dự án xây dựng Trung tâm hành chính huyện Phú Riềng, cụ thể như sau:

1. Vị trí đất thu hồi: Xã Bù Nho, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.
2. Tổng diện tích: 286.787,7 m<sup>2</sup>.
3. Mục đích sử dụng đất: đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và đất nuôi trồng thủy sản.



4. Hệ số điều chỉnh giá đất:

STT	Hạng mục	Vị trí	Hệ số điều chỉnh giá đất
<b>I</b>	<b>Đối với đất ở tại nông thôn</b>		
1	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường ĐT 741	VT 1	2,61
2	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường đất cấp 1	VT 1 (Không tiếp giáp đường ĐT 741)	2,13
		VT 2	2,78
		VT 3	3,47
		VT 4	3,96
3	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường nhựa, đoạn 1	VT 1 (Không tiếp giáp đường ĐT 741)	2,3
		VT 2	2,99
		VT 3	3,73
		VT 4	4,26
4	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường nhựa, đoạn 2	VT 4 (Đất ở ven trục giao thông chính)	3
		VT 1 (Đất ở nông thôn)	4
		VT 2	5,33
		VT 3	6,15
		VT 4	7,27
5	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường đất cấp 2 thứ nhất, đoạn 1	VT 4 (Đất ở ven trục giao thông chính)	3,61
6	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường đất cấp 2 thứ nhất, đoạn 2	VT 4 (Đất ở ven trục giao thông chính)	2,54
		VT 1 (Đất ở nông thôn)	3,38
		VT 2	4,51
		VT 3	5,2
		VT 4	6,15
7	Các thửa đất tiếp giáp mặt tiền đường đất cấp 2 thứ hai	VT 4 (Đất ở nông thôn)	4,1
8	Khu đất không giáp đường ĐT 741	VT 2 (Đất ở ven trục giao thông chính)	1,72
		VT 3	2,15
		VT 4	2,46

II	Đất trồng cây lâu năm	VT 1 (Tiếp giáp đường ĐT 741)	4,67
		VT 1 (Không tiếp giáp đường ĐT 741)	4,68
		VT 2	4,68
		VT 3	4,66
		VT4	4,69
III	Đất nuôi trồng thủy sản	Không phân biệt khu vực, vị trí	5,18

**Điều 2.** Các (ông) bà Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất; Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phú Riềng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- CT, PCT;
- LĐVP, phòng: KT, TH;
- Lưu: VT.


  
**CHỦ TỊCH**  
**KO CHỨC TỊCH**  
  
*Huyện Anh Minh*